



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL**

Số: 28 /NQ-ĐHĐCĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2026

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá 14 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 15/12/2007, sửa đổi bổ sung ngày 28 tháng 08 năm 2025;

Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 27 tháng 03 năm 2026,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và định hướng nhiệm vụ năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, với 28.593.219 tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành. Với các chỉ tiêu chính:

- Sản lượng sản xuất thép cán đạt 140.836 tấn/ Kế hoạch 110.000 tấn, đạt 128,03%
- Sản lượng tiêu thụ 137.616 tấn/ Kế hoạch 110.000 tấn, đạt 125,10 %
- Doanh thu: 1.902,881 tỷ đồng, đạt 118,80 % kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế: 6,180 tỷ đồng

Điều 2. Thông qua Báo cáo thẩm tra của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động Công ty trong năm 2025, với 28.593.219 tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Công ty, với 28.593.219 tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 4. Thông qua quyết toán thực hiện tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT và BKS năm 2025. Kế hoạch tiền lương, thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2026. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT xem xét quyết định với 28.593.219 tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.



Điều 5. Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2025 với 28.593.219 tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành:

- Trích Quỹ Phúc lợi, Khen thưởng (25% LNST năm 2025): 1.200.000.000 đồng. Trong đó:
 - + Quỹ Khen thưởng người quản lý và người lao động (20%): 240.000.000 đồng
 - + Quỹ Phúc lợi (80%): 960.000.000 đồng
- Trích Quỹ đầu tư phát triển: 4.960.000.000 đồng

Điều 6. Thống nhất với Tờ trình về kế hoạch SXKD - Tài chính và Đầu tư năm 2026, với 28.593.219 tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

6.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

- Sản xuất: 145.000 tấn thép cán
- Tiêu thụ: 145.000 tấn thép cán

6.2. Kế hoạch tài chính

- Doanh thu: 1.992 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 05 tỷ đồng;

6.3 Kế hoạch đầu tư phát triển, mua sắm nâng cấp TSCĐ năm 2026:

STT	Tên dự án, thiết bị, phương tiện	ĐVT	Kế hoạch			Ghi chú
			Tổng	DN	Vay TM	
I	Dự án đầu tư phát triển (chuyển tiếp)	Tr đồng	359.000	137.000	222.000	
1	Sản xuất thép cán xây dựng - Bổ sung công đoạn luyện phôi thép cs 150.000 tấn sp/năm	Tr đồng	359.000	137.000	222.000	
II	Dự án đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ	Tr đồng	23.400	10.240	13.160	
1	Máy cắt đầu Block	Tr. đồng	4.600	4.600		
2	Cụm thiết bị gia nhiệt phôi	Tr. đồng	13.500	4.050	9.450	
3	Xe xúc lật 3m ³ (01 xe)	Tr. đồng	1.900	570	1.330	
4	Xe nâng 5T (2 cái)	Tr. đồng	1.000	300	700	
5	Máy nén khí 75kW (03 cái)	Tr. đồng	2.400	720	1.680	
TỔNG		Tr. đồng	382.400	147.240	235.160	

- Tổng mức đầu tư phát triển, mua sắm, nâng cấp TSCĐ: 382.400 tr đồng.
- Nguồn vốn:
 - + Vốn doanh nghiệp: 147.240 tr đồng
 - + Vốn vay thương mại: 235.160 tr đồng

Điều 7. Thông qua một số Tờ trình khác.

7.1. Tờ trình giao cho HĐQT thực hiện việc ký hợp đồng mua bán với các Công ty có liên quan, với 2.197.217 tổng số cổ phần có quyền biểu quyết không có lợi ích liên quan tán thành.

Hợp đồng mua bán có giá trị hợp đồng (bao gồm cả dư nợ tín chấp) bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty được ghi nhận tại báo cáo tài chính gần nhất và hợp đồng mua bán với các Công ty có liên quan: Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam -VNSTEEL, Công ty cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL, Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL, Công ty CP Kim Khí TP.HCM – VNSTEEL, Công ty CP Kim Khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại Thương Việt Nam, Công ty TNHH Khoáng Sản Luyện Kim Việt Trung.

7.2. Tờ trình giao quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng

7.2.1 Tờ trình giao quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng, với 2.197.217 tổng số phiếu biểu quyết không có lợi ích liên quan tán thành

Hạn mức tín chấp bán hàng: 200 tỷ đồng đối với Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL.

7.2.1 Tờ trình giao quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng, với 28.593.219 tổng số phiếu biểu quyết tán thành

Hạn mức tín chấp bán hàng: 03 triệu USD đối với Chip Mong Group Co., Ltd-Campuchia.

Điều 8 . Thông qua Tờ trình về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2026, Đại hội thống nhất lựa chọn một trong những công ty kiểm toán độc lập trong danh sách các đơn vị kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho đơn vị trong năm 2026

Với 28.593.219 tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 9. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 với 28.593.219 tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành:

Trích Quỹ phúc lợi, khen thưởng NLĐ (25% LNST năm 2026): 1.000.000.000 đồng

Trích Quỹ đầu tư phát triển: 3.880.000.000 đồng

Điều 10. Đại hội nhất trí giao cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm cụ thể hoá Nghị quyết của Đại hội, lập ra chương trình hành động phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 và các nội dung đã được Đại hội quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Điều 11. Giao cho Ban Kiểm soát có trách nhiệm giám sát, kiểm tra hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội, đảm bảo đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 27/03/2026./.

Nơi nhận:

- Cổ đông TNB;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT, Người PTQT công ty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH



Dương Trung Toàn





CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL
Địa chỉ: Lô số 02, Đường số 03, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 –
Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: (0251) 3569672 Fax: (0251) 3569673
Email: thepnhabe@nbsteel.vn - website: www.nbsteel.vn

Số: 27/BB-ĐHĐCĐ

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2026

BIÊN BẢN PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

Thời gian: 8 giờ 30' ngày 27 tháng 03 năm 2026

Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL - KCN Nhơn Trạch 2 –
Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, Đồng Nai

PHẦN 1: GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

1.1. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông

- Người báo cáo: Ông Nguyễn Quốc Thiều - Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
- Nội dung báo cáo:

Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng, ngày 24/02/2026, sở hữu 29.428.877 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL./

Cổ đông tham dự Đại hội: 13 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 28.593.219 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 97,16 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

1.2. Giới thiệu Chủ tịch đoàn, Thư ký và Ban Bầu cử

1.2.1. Đoàn Chủ tịch:

- Ông Dương Trung Toàn Chủ tịch HĐQT - Chủ tịch đoàn
- Ông Nguyễn Minh Tính Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc - Thành viên
- Ông Nguyễn Hữu Khánh Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc - Thành viên

1.2.2. Thư ký: Bà Nguyễn Thị Phụng

Ông Hoàng Ngọc Tiên

PHẦN 2: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Đại hội nghe trình bày nội dung báo cáo và các tờ trình sau:

2.1. Giới thiệu Chương trình Đại hội và Quy chế Đại hội: Ông Dương Trung Toàn thông qua chương trình nghị sự, Quy chế Đại hội, được Đại hội biểu quyết thông qua với 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự tán thành.

2.2. Ông Nguyễn Hữu Khánh Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch, giải pháp của năm 2026.

2.3. Ông Nguyễn Quốc Thiệu – Trưởng Ban Kiểm soát Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2025.

2.4. Ông Nguyễn Hữu Khánh báo cáo các tờ trình:

2.4.1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán

2.4.2. Tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, BKS.

2.4.3. Phân phối lợi nhuận năm 2025

2.4.4. Kế hoạch SXKD - Tài chính – Đầu tư năm 2026

2.4.5. Giao quyền cho HĐQT phê duyệt hợp đồng mua bán với các Công ty có liên quan

2.4.6. Giao quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng

2.4.7. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2026

2.4.8. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

PHẦN 3: THẢO LUẬN & GIẢI ĐÁP CÂU HỎI

PHẦN 4: CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT

Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng, ngày 24/02/2026, sở hữu 29.428.877 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL.

Cổ đông tham dự Đại hội: 13 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 97,16% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

4.1. Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp năm 2026 của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Nội dung chủ yếu:

- Sản lượng sản xuất thép cán: 140.836 tấn/ Kế hoạch 110.000 tấn, đạt 128,03%
- Sản lượng tiêu thụ: 137.616 tấn/ Kế hoạch 110.000 tấn, đạt 125,10%
- Doanh thu: 1.903 tỷ đồng, đạt 118,80% kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế: 6,180 tỷ đồng

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ.

Số phiếu hợp lệ: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần, tỷ lệ 97,16% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Số biểu quyết tán thành: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần, tỷ lệ: 100%
- Số biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương đương: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%
- Số không có ý kiến: 0 phiếu, tương đương: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%

4.2. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động năm 2025 của công ty.

Công ty tuân thủ nghiêm túc các quy định, nguyên tắc, thủ tục quản lý tài chính trong việc mua sắm vật tư, thiết bị. Thực hiện tốt việc áp dụng công nghệ mới trong sản xuất và áp dụng chuyển đổi số trong công tác quản trị.

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ.

Số phiếu hợp lệ: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần, tỷ lệ 97,16% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Số biểu quyết tán thành: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần, tỷ lệ: 100%
- Số biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương đương: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%
- Số không có ý kiến: 0 phiếu, tương đương: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%

4.3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán.

Thông nhất các nội dung của báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ.

Số phiếu hợp lệ: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần, tỷ lệ 97,16% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Số biểu quyết tán thành: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần, tỷ lệ: 100%
- Số biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương đương: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%
- Số không có ý kiến: 0 phiếu, tương đương: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %

4.4. Thông qua Tờ trình về tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

- Tổng quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát: 1.289.160.000 đồng

- Tổng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026: trình đại hội

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ.

Số phiếu hợp lệ: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần, tỷ lệ 97,16% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Số biểu quyết tán thành: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần, tỷ lệ: 100%
- Số biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương đương: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%
- Số không có ý kiến: 0 phiếu, tương đương: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %

4.5. Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2025 của công ty:

Trích quỹ:

- Quỹ phúc lợi, khen thưởng cho NLĐ (25% LNST năm 2025): 1.200.000.000 đồng. Trong đó:
 - Quỹ Khen thưởng người quản lý và người lao động (20%): 240.000.000 đồng
 - Quỹ Phúc lợi: 960.000.000 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển: 4.960.000.000 đồng

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ.

Số phiếu hợp lệ: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần, tỷ lệ 97,16% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Số biểu quyết tán thành: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần, tỷ lệ: 100%

- Số biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương đương: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%
- Số không có ý kiến: 0 phiếu, tương đương: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %

4.6 Thông qua Tờ trình về Kế hoạch SXKD – Tài chính – Đầu tư năm 2026

4.6.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

- Sản xuất: 145.000 tấn thép cán;
- Tiêu thụ: 145.000 tấn thép cán;

4.6.2. Kế hoạch tài chính:

- Doanh thu: 1.992 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 05 tỷ đồng;

4.6.3. Kế hoạch đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ năm 2026:

STT	Tên dự án, thiết bị, phương tiện	ĐVT	Kế hoạch			Ghi chú
			Tổng	DN	Vay TM	
I	Dự án đầu tư phát triển (chuyển tiếp)	Tr đồng	359.000	137.000	222.000	
1	Sản xuất thép cán xây dựng - Bổ sung công đoạn luyện phôi thép cs 150.000 tấn sp/năm	Tr đồng	359.000	137.000	222.000	
II	Dự án đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ	Tr đồng	23.400	10.240	13.160	
1	Máy cắt đầu Block	Tr. đồng	4.600	4.600		
2	Cụm thiết bị gia nhiệt phôi	Tr. đồng	13.500	4.050	9.450	
3	Xe xúc lật 3m ³ (01 xe)	Tr. đồng	1.900	570	1.330	
4	Xe nâng 5T (2 cái)	Tr. đồng	1.000	300	700	
5	Máy nén khí 75kW (03 cái)	Tr. đồng	2.400	720	1.680	
TỔNG		Tr. đồng	382.400	147.240	235.160	

- Tổng mức đầu tư phát triển, mua sắm, nâng cấp TSCĐ: 382.400 tr đồng.
- Nguồn vốn:
 - + Vốn doanh nghiệp: 147.240 tr đồng
 - + Vốn vay thương mại: 235.160 tr đồng

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ.

Số phiếu hợp lệ: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần, tỷ lệ 97,16% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Số biểu quyết tán thành: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần, tỷ lệ: 100%
- Số biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương đương: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%
- Số không có ý kiến: 0 phiếu, tương đương: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%

4.7. Thông qua tờ trình giao quyền cho HĐQT phê duyệt Hợp đồng mua bán với các công ty có liên quan:

Hợp đồng mua bán có giá trị hợp đồng (bao gồm cả dư nợ tín chấp) bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản công ty được ghi nhận tại báo cáo tài chính gần nhất và hợp đồng mua bán với Các công ty có liên quan: Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL, Công ty

phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL, Công ty CP Kim Khí TP.HCM – VNSTEEL, Công ty CP Kim Khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại Thương Việt Nam, Công ty TNHH Khoáng Sản Luyện Kim Việt Trung.

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết do cổ đông không có lợi ích liên quan đến việc ký hợp đồng trên: 8 phiếu, tương đương: 2.197.217 cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ.

Tổng số phiếu biểu quyết do cổ đông có lợi ích liên quan đến việc ký hợp đồng trên: 5 phiếu, tương đương: 26.396.002 cổ phần không có quyền biểu quyết

Số phiếu hợp lệ: 8 phiếu, tương đương: 2.197.217 cổ phần, tỷ lệ 100%

- Số biểu quyết tán thành: 8 phiếu, tương đương: 2.197.217 cổ phần, tỷ lệ: 100%
- Số biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương đương: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%
- Số không có ý kiến: 0 phiếu, tương đương: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%

4.8. Thông qua tờ trình giao quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng của Công ty:

4.8.1 Thông qua tờ trình giao quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng: Hạn mức tín chấp bán hàng 200 tỷ đồng đối với Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL.

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết do cổ đông không có lợi ích liên quan đến việc ký hợp đồng trên: 8 phiếu, tương đương: 2.197.217 cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ.

Tổng số phiếu biểu quyết do cổ đông có lợi ích liên quan đến việc ký hợp đồng trên: 5 phiếu, tương đương: 26.396.002 cổ phần không có quyền biểu quyết.

Số phiếu hợp lệ: 8 phiếu, tương đương: 2.197.217 cổ phần, tỷ lệ 100%

- Số biểu quyết tán thành: 8 phiếu, tương đương: 2.197.217 cổ phần, tỷ lệ: 100%
- Số biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương đương: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%
- Số không có ý kiến: 0 phiếu, tương đương: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%

4.8.2 Thông qua tờ trình giao quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng: Hạn mức tín chấp bán hàng 03 triệu USD đối với Chip Mong Group Co., Ltd – Campuchia.

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ.

Số phiếu hợp lệ: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần, tỷ lệ 97,16% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Số biểu quyết tán thành: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần, tỷ lệ: 100%
- Số biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương đương: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%
- Số không có ý kiến: 0 phiếu, tương đương: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%

4.9. Thông qua tờ trình về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.

Ủy quyền cho HĐQT xem xét lựa chọn một trong những công ty kiểm toán độc lập trong danh sách các đơn vị kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho đơn vị trong năm 2026

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ.

Số phiếu hợp lệ: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần, tỷ lệ 97,16% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Số biểu quyết tán thành: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần, tỷ lệ: 100%
- Số biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương đương: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%
- Số không có ý kiến: 0 phiếu, tương đương: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%

4.10. Thông qua tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 của công ty

Trích quỹ:

- Quỹ phúc lợi, khen thưởng cho NLĐ (25% LNST năm 2026): 1.000.000.000 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển: 3.880.000.000 đồng

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ.

Số phiếu hợp lệ: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần, tỷ lệ 97,16 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Số biểu quyết tán thành: 13 phiếu, tương đương: 28.593.219 cổ phần, tỷ lệ: 100%
- Số biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương đương: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%
- Số không có ý kiến: 0 phiếu, tương đương: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%

PHẦN 5: THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT VÀ BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Bà Nguyễn Thị Phụng Thư ký đại hội thông qua Biên bản và Nghị quyết đại hội. Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 với 100 % số phiếu tán thành.

Biên bản này được lập thành 02 bản và được lưu tại CTCP Thép Nhà Bè - VNSTEEL.

Đại hội kết thúc lúc 11 giờ 00' cùng ngày./.

THƯ KÝ

Nguyễn Thị Phụng

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH HĐQT**



Dương Trung Toàn

Số: : 01.....

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2026

DANH SÁCH ĐẠI BIỂU THAM DỰ

(Kèm theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 27/BB-DHĐCĐ ngày 27/03/2026).

Stt	Họ và tên đại biểu	Số lượng cổ phiếu đại diện (sở hữu và nhận ủy quyền)	Số lượng cổ phiếu hạn chế biểu quyết do có lợi ích liên quan	Số lượng cổ phiếu được quyền biểu quyết do không có lợi ích liên quan	Ghi chú
1.	DƯƠNG TRUNG TOÀN				Đại diện vốn của Tổng Công Ty Thép Việt Nam – CTCP
2.	NGUYỄN MINH TÍNH				Đại diện vốn của Tổng Công Ty Thép Việt Nam – CTCP
3.	NGUYỄN HỮU KHÁNH				Đại diện vốn của Tổng Công Ty Thép Việt Nam – CTCP
4.	PHẠM CÔNG DŨNG				Đại diện vốn của Tổng Công Ty Thép Việt Nam – CTCP
5.	LÊ VĂN QUANG				Đại diện của Công ty Cổ phần Kim Khí TPHCM- VNSTEEL
6.	NGUYỄN THÚY LY				
7.	DƯƠNG HỒNG CẨM				
8.	NGUYỄN THỊ THU HÀ				
9.	CAO THỊ THANH MINH				
10.	BÙI ĐÌNH TÀI				
11.	ĐÀO QUỐC THỊNH				
12.	NGUYỄN QUỐC THIỀU				
13.	BÙI VĂN VĨNH				
	Tổng	28.593.219	26.396.002	2.197.217	

Ghi chú: + Cổ đông hạn chế biểu quyết: Cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết theo quy định tại khoản 1 và khoản 4, Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.



CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Số 116/BC-TNB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 24 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ 2026

1. Tình hình chung

1.1. Đặc điểm tình hình

- Năm 2025 thị trường thép thế giới tiếp tục ghi nhận nhiều biến động và tiềm ẩn rủi ro, đặc biệt chịu ảnh hưởng lớn từ Trung Quốc – quốc gia sản xuất và xuất khẩu lớn nhất toàn cầu - giữ vai trò chi phối. Trong bối cảnh nhu cầu thép toàn cầu phục hồi chậm và chủ nghĩa bảo hộ thương mại gia tăng, các điều chỉnh trong chính sách sản xuất, xuất khẩu tại Trung Quốc tạo ra những tác động ảnh hưởng đến thị trường thép Việt Nam.

- Ngành thép Việt Nam: kênh xuất khẩu tiếp tục chịu áp lực từ các biện pháp phòng vệ thương mại và cạnh tranh giá gay gắt. Thị trường nội địa tăng trưởng sản xuất và tiêu thụ nhờ đầu tư công được đẩy mạnh, hoạt động xây dựng – công nghiệp từng bước phục hồi, các dự án trọng điểm đã được triển khai tạo nền tảng cho sự cải thiện của cầu thép trong nước.

1.2. Đặc điểm tình hình của Công ty

1.2.1. Thuận lợi

- Luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ chỉ đạo sát sao và đúng hướng của lãnh đạo Tổng công ty, cùng sự hỗ trợ tích cực của các Ban chức năng Tổng công ty và sự hỗ trợ phối hợp của các đơn vị trong hệ thống thép /V/ trong việc cung cấp nguồn phôi và tiêu thụ sản phẩm thép thanh vằn, thép cuộn.

- Đội ngũ CBCNV đoàn kết, đồng thuận, năng động sáng tạo, vượt khó bằng mọi giải pháp để tăng sản lượng tiêu thụ, giảm chi phí, giữ đội ngũ lao động ổn định.

- Hệ thống quản trị trong sản xuất phát huy hiệu quả góp phần kiểm soát được công nghệ, kiểm soát chất lượng với tỷ trọng sản phẩm lỗi, sản phẩm có bề mặt xấu, nhám... giảm dần, chất lượng hình thức đóng bó được cải thiện, góp phần nâng cao uy tín thương hiệu sản phẩm thép /V/ trên thị trường.

1.2.2. Khó khăn

- Các sản phẩm thép thanh vằn, thép cuộn và thép góc đều được sản xuất trên cùng dàn cán Pomini do đó phải đổi mặt hàng nhiều, ảnh hưởng đến năng suất và hiệu suất sử dụng thiết bị, công tác điều độ gặp nhiều khó khăn. Công ty không chủ động được nguồn nguyên liệu phôi thép, lợi nhuận của Công ty phụ thuộc lớn vào sự chênh lệch giữa giá phôi thép và giá bán thép thành phẩm. Sản phẩm thép /V/ trên thị trường bị cạnh tranh mạnh về giá bán và chi phí sản xuất.

- Sản phẩm thép góc là chủng loại cỡ nhỏ mặc dù có uy tín chất lượng nhưng bị hạn chế khi tham gia đơn hàng công trình, bị cạnh tranh mạnh từ các sản phẩm cùng loại có chất

lượng kém hơn với giá rẻ, bị dân thay thế trong dân dụng bởi các sản phẩm thép hộp...vì vậy khó mở rộng thị phần để tăng sản lượng.

- Thị trường xuất khẩu Campuchia tiêu thụ chậm và chịu nhiều sức ép khi giá Thép Trung Quốc và Đông Nam Á tiếp tục chào giá thành phẩm giảm sâu. Thép vẫn thương hiệu Thép Miền Nam /V/ bị cạnh tranh mạnh về giá xuất khẩu với các nhà sản xuất lớn có lợi thế về quy mô, công nghệ.

- Năng lực tài chính của Công ty hạn chế, nguồn vốn lưu động phục vụ nhu cầu mua nguyên liệu phối thép chủ yếu là vốn vay ngân hàng. Đặc biệt trong những tháng tiêu thụ thấp, rất khó khăn cho các khoản vay nợ ngắn hạn.

2. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.1. Phân công nhiệm vụ các thành viên

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên và được phân công như sau:

- Ông Dương Trung Toàn - Chủ tịch chuyên trách HĐQT, chịu trách nhiệm chung và xây dựng các chính sách phát triển cho Công ty, được bổ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT vào ngày 07/03/2025.

- Ông Nguyễn Minh Tính - Tổng giám đốc, đại diện pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển tài sản của Công ty.

- Ông Nguyễn Hữu Khánh – Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về công tác kỹ thuật, chính sách chất lượng, tham gia xây dựng kế hoạch trung và dài hạn.

- Ông Phạm Công Dũng – Thành viên không điều hành, Chánh Văn phòng Tổng công ty, chịu trách nhiệm phối hợp giữa HĐQT Công ty với các ban chuyên môn Tổng Công ty Thép Việt Nam. Ông Phạm Công Dũng được bổ nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng trị Công ty theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT ngày 17/01/2025 và miễn nhiệm giữ chức thành viên Hội Đồng Quản Trị vào ngày 07/03/2025, tiếp tục giữ chức Thành viên HĐQT công ty.

- Bà Nguyễn Thúy Ly - Thành viên không điều hành cùng tham gia việc xây dựng kế hoạch trung và dài hạn của công ty.

2.2. Ban hành các quy chế hoạt động

- Trong năm Hội đồng quản trị đã sửa đổi điều lệ tổ chức và hoạt động do phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ Công ty

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, quy định của công ty phù hợp với quy định Pháp luật hiện hành, tạo hành lang pháp lý trong hoạt động SXKD.

2.3. Các cuộc họp HĐQT

- Từ đại hội cổ đông thường niên tháng 03/2025 đến nay, Hội đồng quản trị đã trải qua 4 cuộc họp định kỳ với các nội dung: kiểm điểm đánh giá kết quả SX-KD các quý trong năm 2025, thông qua các quy chế, các giải pháp về quản trị công ty.

- Các cuộc họp HĐQT được tiến hành đúng thủ tục, đảm bảo chất lượng làm việc và ra nghị quyết để tổ chức thực hiện.

2.4. Công tác giám sát hoạt động của Tổng Giám Đốc và Ban điều hành

Hội đồng quản trị Công ty thực hiện công tác giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong việc:

- Xây dựng, tổ chức triển khai kế hoạch và các phương án đầu tư của Công ty.
- Giám sát, đôn đốc theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Đánh giá tình hình tài chính, kiểm soát nội bộ, báo cáo tài chính và quản lý rủi ro để đảm bảo tính minh bạch và an toàn.
- Công tác tổ chức nhân sự: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, đánh giá hiệu quả công việc, quyết định mức lương, thưởng và tổ chức bộ máy của Công ty.
- Đảm bảo Ban điều hành hoạt động, tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

2.5. Đánh giá khả năng thực hiện nhiệm vụ của HĐQT

Trên nguyên tắc luôn coi trọng lợi ích của công ty, lợi ích các cổ đông, nghĩa vụ với nhà nước, lợi ích của người lao động, mặc dù còn những hạn chế về chiến lược kinh doanh tiếp thị, chiến lược đầu tư, ...do điều kiện đặc thù của Công ty, Hội đồng quản trị đã có nhiều nỗ lực để lãnh đạo công ty hoàn thành vượt mức chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra.

3. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG 2025

3.1. Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2025

3.1.1. Kế hoạch năm 2025

- Sản xuất - tiêu thụ: 110.000 tấn thép cán
- Doanh thu thuần: 1.602 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 5 tỷ đồng

3.1.2. Thực hiện năm 2025

- Doanh thu thuần đạt: 1.902,881 tỷ đồng, bằng 118,80% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế: 6,180 tỷ đồng.
- Tiền lương:
 - + Tổng quỹ lương của người lao động: 35.023,00 triệu đồng
 - + Tổng quỹ lương của người quản lý chuyên trách: 1.025,00 triệu đồng
 - + Tổng quỹ thù lao của thành viên HĐQT và BKS không chuyên trách: 264 triệu đồng.

3.2. Những nội dung đã thực hiện

3.2.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

(Xin mời tham khảo các bản phụ lục 01, 02 của báo cáo)

3.2.2. Công tác tài chính doanh nghiệp: thực hiện tốt các quy định về tài chính kế toán trong hoạt động SXKD và quy chế tài chính của Công ty, thường xuyên cải tiến các giải pháp tăng hiệu quả sử dụng vốn. Thực hiện đầy đủ việc nộp thuế, nộp ngân sách Nhà nước,

quản lý tốt công nợ, không phát sinh nợ xấu nợ khó đòi. Thực hiện tốt việc báo cáo tài chính định kỳ, kiểm kê, kiểm toán, kịp thời khắc phục các thiếu sót sau kiểm tra kiểm toán.

3.2.3. Công tác đầu tư mua sắm – sửa chữa nâng cấp TSCĐ

- Đầu tư mua sắm bổ sung nâng cấp TSCĐ:

- + Máy cắt đầu Block: Dừng thực hiện
- + Cụm đếm tách thép thanh: Đã hoàn thành lắp đặt, đang chạy thử nghiệm thu
- + Cụm thiết bị gia nhiệt phôi: Chưa thực hiện.
- + Nâng cấp hệ thống điều khiển: Đang thực hiện
- + Cải tạo nâng cấp máy cán góc hình: Đang thực hiện
- + Cải tạo nâng cấp mạng điện phân xưởng: Đang thực hiện

- Sửa chữa lớn thiết bị:

- + Đã hoàn thành: 4/7 hạng mục
- + Đang thực hiện: 2/7 hạng mục
- + Chưa thực hiện: 1/7 hạng mục

- Xây dựng cơ bản:

- + Hoàn thành: 9/11 hạng mục
- + Đang thực hiện: 1/11 hạng mục
- + Chưa thực hiện: 1/11 hạng mục

STT	Tên hạng mục	Dự toán được duyệt (Đồng)	Quyết toán (Đồng)	Ghi chú
Đầu tư mua sắm bổ sung nâng cấp TSCĐ				
1	Máy cắt đầu Block			Dừng thực hiện
2	Cụm đếm tách thép thanh	2.254.500.000	2.249.700.000	Đã hoàn thành lắp đặt, đang chạy thử nghiệm thu
3	Cụm thiết bị gia nhiệt phôi	13.500.000.000		Chưa thực hiện
4	Nâng cấp hệ thống điều khiển	4.200.000.000		Đang thực hiện
5	Cải tạo nâng cấp máy cán góc hình	2.000.000.000		Đang thực hiện

6	Cải tạo nâng cấp mạng điện phân xưởng	970.000.000		Đang thực hiện
Sửa chữa lớn thiết bị				
1	SCL cụm giá cán K2	300.000.000	247.500.000	Đã hoàn thành
2	Bảo trì biến tần DC-ABB	380.000.000		Chuyển tiếp 2026
3	Bảo trì biến tần AC-ABB	400.000.000	336.138.120	Đã hoàn thành
4	Lò nung	5.700.000.000		Đang thực hiện
5	Cải tạo nâng cấp cụm máy cán thô	190.000.000	194.929.823	Đã hoàn thành
6	Cải tạo nâng cấp phụ trợ trong phân xưởng (bể lắng xỉ)	480.000.000	101.466.600	Đã hoàn thành
7	Sửa chữa máy CNC 2680	380.000.000	395.280.000	Đang thực hiện
Sửa chữa lớn XDCB				
1	Sửa chữa mái nhà ăn	280.000.000	116.936.335	Đã hoàn thành
2	Cải tạo nâng cấp nhà nghỉ ca PX Luyện	600.000.000	985.745.765	Đã hoàn thành
3	Sửa chữa thường xuyên	300.000.000	610.861.228	Đã hoàn thành
4	Hệ thống nước tưới cây	100.000.000	80.303.700	Đã hoàn thành
5	Sửa chữa mái che bãi chứa thành phẩm	100.000.000	94.234.968	Đã hoàn thành
6	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	600.000.000	969.840.000	Đang thực hiện
7	Cải tạo nâng cấp nhà nghỉ ca PX Cán	338.910.000		Chưa thực hiện
8	Cải tạo nâng cấp phụ trợ ngoài phân xưởng (hệ thống thoát nước)	325.000.000	320.932.957	Đã hoàn thành
9	Cải tạo nâng cấp mái che bãi chứa thành phẩm ô số 3+4	400.000.000	428.379.979	Đã hoàn thành
10	Sửa chữa cửa + tôn vách lấy sáng nhà xưởng	400.000.000	381.328.560	Đã hoàn thành
11	Sơn sửa khu vực nhà văn phòng, phân xưởng cán	370.000.000	362.732.680	Đã hoàn thành

3.2.4. Công tác Dự án đầu tư sản xuất thép cán xây dựng – Bổ sung công đoạn luyện phôi thép công suất 150.000 tấn sản phẩm/năm:

❖ Các công tác đã thực hiện trong kỳ:

- + Hoàn thành thủ tục huy động vốn chủ sở hữu (phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Tổng Công ty) với số tiền 149,39 tỷ đồng vào tháng 10/2025.
- + Triển khai thủ tục huy động vốn vay thương mại với hạn mức 292,5 tỷ đồng từ Vietinbank – CN Nhơn Trạch. Đã có cam kết từ tháng 02/2026, chờ ký hợp đồng tín dụng.
- + Điều chỉnh tiến độ triển khai dự án trong GPMT đến tháng 11/2028: tháng 4/2025.
- + Hoàn thành thủ tục cấp GPXD cho dự án vào tháng 10/2025.
- + Triển khai các thủ tục liên quan đến hạng mục Trạm điện 110kV và đường dây đầu nối: Quy hoạch tỉnh Đồng Nai, chấp thuận hướng tuyến, đất đặt trụ điện và hành lang an toàn... Tuy nhiên, hiện vẫn gặp vướng mắc về đất đai.
- + Trong công tác lựa chọn nhà thầu:
 - Triển khai thực hiện 05 gói thầu tư vấn (Gói 15 – Thiết kế điện; Gói 16 – Thiết kế xây dựng; gói 23 – Thẩm tra thiết kế xây dựng điện; gói 24 - Thẩm tra thiết kế điện; Gói thầu 25.1 – Lập HSMT, tổ chức đấu thầu gói thầu Nhà xưởng chính);
 - Huỷ thầu Gói thầu số 1 – Thiết bị chính xưởng luyện thép vào tháng 11/2025.
 - Điều chỉnh KHLCNT vào tháng 01/2026: dự kiến chạy thử vào tháng 5/2027, hoàn thành đưa vào hoạt động từ quý 3/2027.
- + Giá trị thực hiện giải ngân:
 - Trong kỳ (năm 2025): 1.689 triệu đồng
 - Lũy kế (đến tháng 3/2026): 5.182 triệu đồng

❖ Các công tác đang và chuẩn bị triển khai:

- + Ký hợp đồng tín dụng với NH Vietinbank – CN Nhơn Trạch.
- + Hoàn thành thủ tục cấp nguồn điện cho dự án.
- + Ký hợp đồng thuê tư vấn – Giám đốc QLDA.
- + Tổ chức triển khai các gói thầu của dự án:
 - Gói thầu số 1 – Thiết bị chính xưởng luyện thép: Quý 2/2026
 - Gói thầu số 9 – Nhà xưởng chính: Quý 2/2026
 - Hoàn thành các gói thầu số 15, 16, 23, 24, 25.1 vào quý 2/2026.

3.2.5. Công tác Kỹ thuật cơ điện an toàn và chất lượng sản phẩm:

- + Duy trì việc triển khai các phương án quản trị sản xuất, phương án quản trị thiết bị nâng cao hiệu quả quản lý, nâng cao ý thức tiết kiệm trong sản xuất.
- + Thiết bị máy cán được duy trì ổn định, nâng cao hệ số sử dụng thiết bị, đáp ứng yêu cầu nâng cao sản lượng trong năm.

+ Khai thác hiệu quả các hạng mục đầu tư góp phần cải thiện điều kiện làm việc của người lao động, nâng cao năng suất lao động.

+ Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001/2015 và ISO/IEC 17025-2017 được vận hành ổn định. Công tác quản trị chất lượng sản phẩm luôn được chú trọng và duy trì thực hiện đúng các quy định, từ nguồn phôi đầu vào đến các công đoạn trong sản xuất (như ổn định bazem, chất lượng bề mặt, đóng gói sản phẩm...vv) góp phần đảm bảo CLSP trước khi ra thị trường đúng với các tiêu chuẩn và qui chuẩn được công bố. Trong năm qua việc đẩy mạnh khai thác các ứng dụng công nghệ vào trong quản trị chất lượng sản phẩm đã góp phần nâng cao sự chính xác về số liệu và tính cập nhật, phục vụ tốt cho công tác quản lý thành phẩm và bán hàng. Các bộ phận QLCL - KHKD - PX Cán luôn có sự phối hợp tốt trong công tác này, việc xử lý kịp thời và thỏa đáng những thông tin phản hồi từ khách hàng, góp phần mang lại sự tin tưởng của khách hàng với thương hiệu Thép /V/. - Tuy nhiên, trong năm vẫn còn 04 khiếu nại khách hàng như: thép góc 75x75x9 - cong vênh; thép vằn D10; D12 bị thiếu cây và lẫn thép ngắn trong bó. Tất cả khiếu nại đã được xử lý đúng quy trình, kịp thời và thỏa đáng.

3.2.6. Công tác tổ chức lao động và quản trị văn phòng

- Lao động đầu năm 150, cuối năm 174 người. Bình quân năm 163 người.

- Tổ chức sắp xếp lại lao động, tinh giảm bộ máy, giải quyết thôi việc: 18, tuyển dụng bổ sung 42 lao động.

- Rà soát quy hoạch cán bộ quản lý các cấp, làm tốt công tác đánh giá cán bộ quản lý, trong năm đã thực hiện tiếp nhận, bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Luân chuyển 01 Trưởng phòng và Quản đốc Phân xưởng.

- Duy trì việc trả lương sản phẩm theo năng suất chất lượng và hiệu quả SXKD. Thu nhập bình quân năm đạt 22,92 triệu đồng/người/tháng.

- Rà soát tổ chức sắp xếp lao động phù hợp yêu cầu của sản xuất kinh doanh, công tác tuyển dụng lao động kỹ thuật khó khăn, bằng các chính sách đã giữ chân đội ngũ lao động ổn định. Các chế độ chính sách về BHXH, BHYT, BHTN, trợ cấp, hưu trí,... được thực hiện đúng pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- Công tác bảo vệ an ninh trật tự - an toàn doanh nghiệp được quan tâm chu đáo, lực lượng bảo vệ chuyên trách, tự vệ và PCCC của Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, phát huy vai trò của mạng lưới bảo vệ quần chúng ngăn chặn các vụ việc tiêu cực trong đơn vị, bảo vệ an toàn tuyệt đối tài sản, thiết bị và trật tự an ninh trong địa bàn nhất là vào các dịp lễ, Tết. Giữ mối quan hệ công tác chặt chẽ với các cơ quan công an, quân sự và chính quyền địa phương trong phong trào xây dựng địa bàn an toàn.

- Thực hiện công tác đào tạo chuyên đề, đào tạo kèm cặp, đào tạo nâng cao cho cán bộ quản lý lãnh đạo đơn vị. Trong năm Công ty đã có 280 lượt người tham gia các khóa đào tạo về nghiệp vụ, ATLĐ, quản trị chất lượng toàn diện,... nâng bậc lương cho 40 lao động, đã có tác dụng thiết thực phục vụ cho hoạt động của Công ty.

- Triển khai các phần mềm ứng dụng đảm bảo hoạt động điều hành của Lãnh đạo công ty, công tác sản xuất, bán hàng được xuyên suốt.

- Tiếp tục duy trì ứng dụng các phần mềm trong công tác quản lý, đã mang lại hiệu quả nhất định. Các hạng mục đầu tư đưa vào hoạt động đã tăng cường hiệu quả sản xuất và giảm nguồn lực lao động.

- Hoạt động phân tích tài chính và định mức chi phí hàng tháng được duy trì giúp kiểm soát chi phí và tăng cường hơn nữa công tác tiết kiệm, chống lãng phí, tạo ý thức cho người lao động, đặc biệt là kiểm soát chỉ tiêu tiêu hao điện, gas, phôi.

- Đẩy mạnh công tác phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, kết quả trong năm đã có 22 sáng kiến, giải pháp đã được công nhận.

- Chú trọng công tác quản lý đất đai công ty được giao và thuê, triển khai công tác đầu tư Dự án luyện thép để khai thác quỹ đất còn dư nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất.

- Xây dựng các phương án quản trị thiết bị, quản trị sản xuất, phương án về cấu trúc của Công ty khi Dự án bổ sung công đoạn luyện thép đi vào hoạt động.

- Hoàn tất thủ tục chuyển địa chỉ của Công ty từ TP. Hồ Chí Minh về Đồng Nai, thành lập Văn phòng đại diện của Công ty tại TP. Hồ Chí Minh.

3.3. Những tồn tại

- Công tác nghiên cứu, nhận định thị trường, điều độ sản xuất, tối ưu hóa sản lượng tồn kho chưa hiệu quả, chưa tận dụng được cơ hội của thị trường để gia tăng lợi nhuận cho công ty.

- Trong công nghệ và quản lý thiết bị: khả năng dự báo hư hỏng, chất lượng sửa chữa bảo trì bảo dưỡng thiết bị chưa tốt, sự phối hợp giữa các bộ phận chưa thật đồng bộ, chưa tuân thủ nghiêm túc phương án, quy định, quy trình trong quản trị sản xuất.

- Công tác quản lý CLSP đã có nhiều tiến bộ. Tuy nhiên, trong năm vẫn còn xảy ra bốn khiếu nại khách hàng, việc triển khai thực hiện quản trị chất lượng phần nào vẫn còn hạn chế, barem sản xuất chưa ổn định, một số vấn đề về sản phẩm góc bị cong vênh.

- Công tác tuyển dụng thu hút lao động có trình độ chuyên môn và lao động kỹ thuật tại địa bàn Nhơn Trạch khó khăn, chưa đáp ứng được nhu cầu của Công ty. Công tác đào tạo chưa theo kịp yêu cầu phần do điều kiện học tập bị hạn chế do điều kiện làm việc và đi lại, công tác đào tạo kèm cặp nhân lực trực tiếp sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu.

- Công tác triển khai xây dựng và áp dụng một số phương án quản trị, chương trình hành động còn chậm, mang tính nghiệp vụ, chưa tạo ra sự đổi mới, đột phá và hiệu quả chưa cao.

- Chưa hoàn thành công tác giải thể Chi nhánh Nhơn Trạch, do đang chờ Cục thuế ra quyết định quyết toán thuế..

- Tiến độ thực hiện tổng thể của dự án luyện thép chậm trễ do khó khăn trong việc triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý cho dự án, như: quy hoạch 1/500, giấy phép xây dựng, thủ tục pháp lý cho đường điện 110kV cấp nguồn cho dự án, thỏa thuận tài trợ vốn của các ngân hàng,...

4. ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ 2026

4.1. Nhận định tình hình thị trường

- Xung đột chính trị trên thế giới đã làm trầm trọng hơn tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng, lạm phát leo thang, kinh tế suy giảm, an ninh năng lượng bị đe dọa... đã làm gia tăng lo ngại về tình trạng lạm phát, đình trệ của kinh tế thế giới, đặt kinh tế toàn cầu vào những khó khăn mới.

- Nhu cầu thép toàn cầu suy giảm mạnh trong đó đặc biệt là thị trường Trung Quốc, do những bất ổn trên thị trường bất động sản, nguồn cung dư thừa tại Trung Quốc thúc đẩy các



doanh nghiệp nước này đẩy mạnh xuất khẩu với giá thấp, tạo áp lực cạnh tranh lớn cho các nhà sản xuất trong nước, ngành thép không thuận lợi khi nhu cầu thép trên thế giới giảm.

- Tiêu thụ thép nội địa tiếp tục được cải thiện, khi thị trường bất động sản có dấu hiệu phục hồi và hoạt động đầu tư công tiếp tục được đẩy mạnh. Tuy nhiên, chi phí sản xuất (nguyên liệu, năng lượng, tài chính) duy trì ở mức cao trong khi giá bán chịu áp lực cạnh tranh mạnh, dẫn đến biên lợi nhuận của các doanh nghiệp thép khó được cải thiện rõ rệt, hiệu quả SXKD không cao.

- Nhìn chung, thị trường thép năm 2026 được dự báo duy trì mức độ cạnh tranh gay gắt, công tác điều hành cần chủ động, linh hoạt, tối ưu chi phí và duy trì ổn định thị trường tiêu thụ.

4.2. Tình hình Công ty

4.2.1. Thuận lợi

- Sản phẩm được sản xuất trên dàn cán Pomini với năng lực sản xuất 150.000 tấn/năm. Máy móc thiết bị luôn được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, sẵn sàng hoạt động tối đa công suất khi thị trường hút hàng.

- Luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ chỉ đạo sát sao và đúng hướng của lãnh đạo Tổng công ty, cùng sự hỗ trợ tích cực của các Ban chức năng Tổng công ty và sự hỗ trợ phối hợp của các đơn vị trong hệ thống thép /V/ trong việc cung cấp nguồn phôi và tiêu thụ sản phẩm thép thanh vằn, thép cuộn.

- Đội ngũ CBCNV đoàn kết, đồng thuận, năng động sáng tạo, vượt khó bằng mọi giải pháp để tăng năng suất, giảm chi phí giá thành, tăng sản lượng tiêu thụ.

4.2.2. Khó khăn, hạn chế

- Do tất cả sản phẩm đều sản xuất trên cùng một dàn cán Pomini nên mất nhiều thời gian để đổi mặt hàng, làm giảm năng suất cán và tăng tiêu hao các nguyên liệu đầu vào, làm tăng chi phí cho công ty.

- Sản phẩm thép vằn và thép cuộn sản xuất tại Công ty chủ yếu là phục vụ nhu cầu dân dụng, nhiều Công ty sản xuất sản phẩm cùng loại đang gia tăng sản lượng vào thị trường truyền thống của hệ thống thép /V/.

- Sản phẩm thép góc mặc dù có hiệu quả cao nhưng khó tăng trưởng thị phần do sản phẩm thay thế, nhu cầu thị trường nội địa không cao, bị cạnh tranh chủ yếu về giá bán từ các công ty sản xuất trong nước. Thị trường xuất khẩu bị cạnh tranh mạnh nên giá bán không cao.

- Công ty là đơn vị thuần sản xuất cán, phụ thuộc nhiều vào biến động của thị trường phôi thép. Cạnh tranh mạnh chủ yếu về giá bán giữa các thương hiệu. Chi phí sản xuất thuần cán cao hơn so với các đơn vị cùng ngành.

- Giá thép xuất khẩu thấp làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty đã chủ động điều tiết sản lượng để tham gia xuất khẩu khi có hiệu quả.

- Công ty hầu như không có vốn lưu động, phải vay ngân hàng toàn bộ với hạn mức Vietinbank 200 tỷ, BIDV 120 tỷ, Vietcombank 50 tỷ và MB 100 tỷ. Khấu hao tài sản vẫn còn cao.

4.3. Xây dựng kế hoạch năm 2026

Trên cơ sở nhận định, đánh giá tình hình thế giới, thị trường thép trong nước, đánh giá năng lực sản xuất-kinh doanh, thuận lợi, khó khăn của công ty. Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL xây dựng kế hoạch năm 2026 như sau:

4.3.1. Kế hoạch Sản xuất kinh doanh – Tài chính và Đầu tư

- Sản xuất 145.000 tấn thép cán
- Tiêu thụ: 145.000 tấn thép cán
- Doanh thu thuần: 1.992,196 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 05 tỷ đồng;
- Thu nhập bình quân của người lao động: phần đầu đạt trên 21,00 triệu đồng/ người/ tháng

4.3.2. Kế hoạch đầu tư phát triển, mua sắm, nâng cấp TSCĐ

4.3.2.1 Kế hoạch đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ

STT	Tên dự án, thiết bị, phương tiện	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
1	Máy cắt đầu Block	Tr. đồng	4.600	
2	Cụm thiết bị gia nhiệt phôi	Tr. đồng	13.500	
3	Xe xúc lật 3m ³ (01 xe)	Tr. đồng	1.900	
4	Xe nâng 5T (2 cái)	Tr. đồng	1.000	
5	Máy nén khí 75kW (03 cái)	Tr. đồng	2.400	
TỔNG		Tr. đồng	23.400	

Tổng mức đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ: 23,4 tỷ đồng

4.3.2.2 Kế hoạch về đầu tư sản xuất thép cán xây dựng – Bổ sung công đoạn luyện phôi thép công suất 150.000 tấn sản phẩm/năm (đang triển khai)

- Hoàn thành thủ tục đầu tư nguồn điện 110kv;
- Ký kết hợp đồng tín dụng với ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Nhơn Trạch đối với nguồn vốn vay thương mại;
- Tổ chức đấu thầu và triển khai hợp đồng theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã phê duyệt.
- Thực hiện các công tác tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định

4.4. Các mặt công tác

4.4.1. Công tác pháp lý

- Tiếp tục bổ sung, cập nhật và hoàn thiện các văn bản pháp lý của Công ty.
- Thường xuyên đổi mới, cập nhật chính sách kinh doanh của Công ty linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của đơn vị và nhu cầu của thị trường.
- Theo dõi, nắm bắt kịp thời các chính sách của Nhà nước (TW và địa phương), của Ngành để kịp thời điều chỉnh, bổ sung phương hướng hoạt động của đơn vị, nhất là các vấn đề liên quan đến hội nhập quốc tế.

4.4.2. Phát triển sản phẩm

- Tiếp tục phát huy thế mạnh của Công ty đối với sản phẩm thép góc, củng cố và phát triển thị phần của Công ty trên thị trường trong nước và tăng cường xuất khẩu sản phẩm sang thị trường khu vực.

- Chú trọng phát triển thêm các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao của thép hình.

4.4.3. Công tác tài chính và đầu tư

- Đẩy mạnh việc tiết kiệm các chi phí sản xuất, tăng vòng quay vốn, không để phát sinh nợ xấu, nợ khó đòi. Thực hiện tốt các quy định về tài chính kế toán trong hoạt động SXKD và quy chế tài chính của Công ty.

- Phát huy vai trò giám sát chi phí, giá thành. Thực hiện cập nhật thống kê kịp thời số liệu chi phí, giá thành, phân tích tài chính, chi phí bán hàng theo tháng để tham mưu cho lãnh đạo có biện pháp tổ chức sản xuất kinh doanh đạt mục tiêu đề ra.

- Định kỳ hàng tháng thực hiện việc phân tích tài chính, thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong toàn công ty, tích cực tìm kiếm các nguồn vốn vay lãi suất hợp lý và có các biện pháp tiết giảm chi phí giá thành, thường xuyên cải tiến các giải pháp tăng hiệu quả sử dụng vốn.

- Thực hiện đầy đủ việc nộp thuế, nộp ngân sách Nhà nước, quản lý tốt công nợ, không phát sinh nợ xấu nợ khó đòi. Thực hiện đầy đủ, đúng hạn việc báo cáo tài chính định kỳ, kiểm kê, kiểm toán, kịp thời khắc phục các thiếu sót sau kiểm tra kiểm toán.

- Đưa các dự án đầu tư mới vào hoạt động ổn định, khai thác tối đa hiệu quả các dự án đầu tư nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm.

- Cập nhật những qui định mới trong công tác đầu tư XD CB để triển khai các hạng mục đầu tư tuân thủ theo đúng qui định.

- Triển khai các hạng mục đầu tư mua sắm trong năm 2026 theo đúng kế hoạch, tuân thủ các quy định hiện hành.

- Tập trung mọi nguồn lực triển khai dự án đầu tư bổ sung công đoạn luyện thép đảm bảo an toàn lao động, đúng tiến độ và tuân thủ quy định pháp luật. Xây dựng các phương án: tổ chức thực hiện dự án luyện thép, nguồn vốn, nguyên liệu, cơ cấu tổ chức, tuyển dụng và đào tạo nhân sự.

4.5. Các giải pháp chủ yếu năm 2026

4.5.1. Các chương trình và trọng tâm thực hiện năm 2026

- Xây dựng phương án dài hạn và hệ thống các giải pháp để từng bước nâng dần sản lượng tiêu thụ đưa khả năng sản xuất công ty tiệm cận với công suất thiết bị để cải thiện chi phí sản xuất/tấn sản phẩm trong môi trường cạnh tranh với các nhà sản xuất lớn có lợi thế về công nghệ, sản xuất phôi. Bao gồm các giải pháp lớn: Cơ cấu sản phẩm, khai thác gia công, thay đổi cơ cấu tiêu thụ: nâng sản lượng thép góc, cải thiện mở rộng thị trường nội địa tiêu thụ tăng sản phẩm thép cây, thép cuộn. Tổ chức chặt chẽ phân bổ thời gian sản xuất, hợp lý hóa thay đổi mặt hàng, tính toán giá thành thực tế từng sản phẩm...

- Triển khai thực hiện công tác quản trị công ty theo phương án chuyển đổi số, phần mềm quản lý sản xuất kinh doanh, theo dõi xuất – nhập vật tư. Đảm bảo tích hợp chung toàn công ty để cung cấp thông tin hàng ngày, hàng tháng kịp thời và chính xác đến lãnh đạo công ty.

- Xây dựng chương trình công tác dài hạn về tuyển dụng, đào tạo, sắp xếp nguồn nhân lực, lực lượng cán bộ kế cận quản lý, kỹ thuật... cho phù hợp với mô hình sản xuất.
- Thực hiện chiến lược đầu tư và hạng mục đầu tư theo hướng tăng được sản lượng, năng suất, hạ giá thành sản xuất và cải thiện điều kiện lao động, tự động hóa, chuyên môn hóa để nâng cao hiệu quả vốn đầu tư công ty những năm qua.
- Hoàn thiện các văn bản pháp lý, điều lệ, quy chế quản trị công ty phù hợp, nhất quán với các văn bản pháp luật hiện hành.

4.5.2. Công tác sản xuất kinh doanh

- Theo dõi sát tình hình thị trường để có giải pháp hiệu quả, điều hành sản xuất kinh doanh linh hoạt, tận dụng tối đa các cơ hội thị trường.
- Do là đơn vị thuần cán, giá nguyên liệu phôi thép đầu vào ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, giải pháp quản trị nguồn nguyên liệu đầu vào được thực hiện theo cơ chế thị trường và hợp tác trong hệ thống. Bên cạnh đó, Công ty luôn tìm kiếm nguồn phôi giá hợp lý, cạnh tranh nhưng đảm bảo chất lượng để phục vụ sản xuất, tiếp tục chủ trương mua đuổi bán đuổi để giữ mức tồn kho phù hợp với lượng tiêu thụ thép thành phẩm, giảm tối đa nguy cơ trong những thời điểm nhạy cảm biến động giá.
- Tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm chi phí sản xuất: nhanh chóng khai thác hiệu quả các hạng mục đầu tư, ổn định thiết bị công nghệ, tăng hiệu suất sử dụng thiết bị để tăng năng suất, tiết kiệm vật tư phụ tùng, giảm cơ sở tồn kho vật tư phụ tùng với cơ sở tồn kho phù hợp, giảm tiêu hao thép thời, tiêu hao gas, điện.
- Có chiến lược, giải pháp phát triển thị trường mới. Tăng cường công tác tiếp thị, marketing, quảng bá thương hiệu, đẩy mạnh công tác xuất khẩu trực tiếp và gián tiếp.
- Kết hợp chặt chẽ với khối /V/ trong công tác tiêu thụ sản phẩm, khai thác các sản phẩm có hiệu quả, tìm kiếm thị trường mới. Tham gia một cách hợp lý tiêu thụ thép thanh vằn xuất khẩu nhằm giảm thiểu thiệt hại khi thị trường không thuận lợi cho công nghệ thuần cán.

4.5.3. Công tác kỹ thuật – cơ điện – chất lượng sản phẩm

- Duy trì và nâng cao hiệu quả Phương án QTSX thông qua việc giám sát triển khai các công tác kiểm tra thiết bị, lập kế hoạch bảo trì và triển khai sửa chữa chủ động. Đảm bảo thiết bị công nghệ hoạt động ổn định, không để ngưng sản xuất dài ngày vì sự cố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh.
- Góp phần kiểm soát chi phí sản xuất thông qua việc kiểm soát chất lượng vật tư phụ tùng, kiểm soát tồn kho, kiểm soát sử dụng vật tư phụ tùng trong sản xuất, đảm bảo sử dụng tiết kiệm, chống lãng phí
- Triển khai thực hiện sửa chữa lớn thiết bị - xây dựng cơ bản theo đúng kế hoạch, đạt chất lượng, duy trì thiết bị ở tình trạng hoạt động ổn định nhất góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001/2015 và ISO/IEC 17025 – 2017. Chú trọng, duy trì thực hiện và áp dụng hiệu quả đúng các Quy trình, Quy định, từ nguồn phôi đầu vào đến các công đoạn đầu ra của sản phẩm. Tìm hiểu mở rộng sản phẩm thép góc đáp ứng nhu cầu khách hàng.

4.5.4. Công tác quản trị công ty

- Thường xuyên giáo dục và nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật lao động, ý thức tự bảo vệ mình cho người lao động,

- Thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng kèm cặp tay nghề, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ lao động kỹ thuật, quản lý, xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng để đáp ứng nhu cầu hiện tại và cho dự án.

- Tiếp tục cải tiến quy chế tiền lương, phương án trả lương cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ của Công ty để không ngừng cải thiện và nâng cao thu nhập, ổn định đời sống vật chất tinh thần của NLĐ, tạo tâm lý tốt cho sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng phương án PCCC và triển khai thực hiện các quy định về An toàn PCCC; triển khai làm tốt công tác phòng chống bão lụt.

- Đảm bảo chất lượng và an toàn bữa ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại, chăm sóc sức khỏe người lao động.

- Quản lý sử dụng ngày công lao động chặt chẽ và hiệu quả. Thực hiện việc tái cơ cấu, định biên lại lao động, với mục tiêu tinh gọn và hiệu quả.

4.5.5. Công tác đầu tư

- Đưa các dự án đầu tư mới vào hoạt động ổn định, khai thác tối đa hiệu quả các dự án đầu tư nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm.

- Cập nhật những qui định mới trong công tác đầu tư XD CB để triển khai các hạng mục đầu tư tuân thủ theo đúng qui định.

- Triển khai các hạng mục đầu tư mua sắm trong năm 2026 theo đúng kế hoạch, tuân thủ các quy định hiện hành.

- Tập trung mọi nguồn lực triển khai dự án đầu tư bổ sung công đoạn luyện thép đảm bảo an toàn lao động, đúng tiến độ và tuân thủ quy định pháp luật. Xây dựng các phương án: tổ chức thực hiện dự án luyện thép, nguồn vốn, nguyên liệu, cơ cấu tổ chức, tuyển dụng và đào tạo nhân sự.

Với sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị Công ty cùng sự hỗ trợ của Công ty mẹ-Tổng công ty Thép Việt Nam, các đơn vị trong hệ thống thép /V/, bằng những cố gắng nỗ lực của mình, đội ngũ CBCNV và lao động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất - kinh doanh - đầu tư năm 2026.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về toàn bộ hoạt động của Công ty năm 2025 và định hướng nhiệm vụ 2026. Kính trình quý vị cổ đông.

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- HĐQT, BKS, BĐH;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Dương Trung Toàn

Phụ lục 1: KẾT QUẢ SẢN XUẤT – TIÊU THỤ NĂM 2025

STT	SẢN PHẨM	ĐVT	KẾ HOẠCH 2025	THỰC HIỆN 2025	% SO VỚI KH 2025	% SO VỚI NĂM 2024	SẢN LƯỢNG NĂM 2024
A	Sản xuất	Tấn	110.000	140.836	128,03	150,08	93.841
1	Thép cây vằn	-nt-	68.000	88.010	129,43	157,92	55.732
2	Thép cuộn	-nt-	12.000	18.977	158,14	241,60	7.855
3	Thép góc	-nt-	30.000	33.849	112,83	111,88	30.254
B	Tiêu thụ	-nt-	110.000	137.616	125,10	143,69	95.774
1	Thép cây vằn	-nt-	68.000	87.255	128,32	155,20	56.220
1.1	- Nội địa	-nt-	49.000	63.243	129,07	158,67	39.858
1.2	- Xuất khẩu	-nt-	19.000	24.012	126,38	146,75	16.362
2	Thép cuộn	-nt-	12.000	18.209	151,74	214,11	8.504
3	Thép góc	-nt-	30.000	32.152	107,17	103,55	31.050
3.1	- Nội địa	-nt-	15.000	15.653	104,35	94,05	16.643
3.2	- Xuất khẩu	-nt-	15.000	16.499	110,00	114,52	14.407

Ghi chú: Xuất khẩu thép góc năm 2025: 16.499 tấn (Thị trường Mỹ - Công ty Nippon Steel Trading Americas. INC): 328 tấn; Thị trường Campuchia – Tập đoàn Chip Mong: 16.171 tấn)

Phụ lục 2: KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Thực hiện 2024	2025 so với 2024	% Tăng/ Giảm
1. Doanh thu thuần	1.601.745	1.902.881	1.391.432	511.449	36,76
2. Giá vốn	1.540.845	1.834.843	1.333.084	501.759	37,64
3. Lợi nhuận gộp	60.900	68.037	58.348	9.689	16,60
4. Chi phí bán hàng	13.000	20.344	13.614	6.730	49,43
5. Chi phí QLDN	30.000	39.407	30.245	9.162	30,29
6. Lợi nhuận từ HĐKD	17.900	8.286	14.489	-6.203	-42,81
7. LN từ HĐ tài chính	-13.000	-1.012	-10.670		
- Doanh thu HĐ tài chính	1.000	10.971	2.665	8.306	311,67
- Chi phí tài chính	14.000	11.983	13.335	-1.352	-10,14
8. LN từ hoạt động khác	100	-1.094	-130		
- Thu nhập khác	500	835	815	20	2,45
- Chi phí khác	400	1.929	945	984	104,13
9. Tổng LN trước thuế	5.000	6.180	3.689	2.491	67,53
10. Chi phí thuế TNDN	1.000	1.225	1.166	59	5,06
11. Lợi nhuận sau thuế	4.000	4.955	2.523	2.432	96,39
12. Nộp ngân sách	1.200	2.397	1.510	887	58,74
13. Tổng số lao động (người)	160	163	152	11	7,24
14. Tiền lương bình quân /tháng	18,73	22,92	16,80	6,12	36,43





CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

BAN KIỂM SOÁT

Số: 02 /BKS-TNB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2026.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel.
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
- Căn cứ các báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát năm 2025 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát CTCP Thép Nhà Bè - Vnsteel, gồm 03 thành viên, cụ thể:

1. Ông Nguyễn Quốc Thiều Trưởng ban.
2. Ông Bùi Văn Vĩnh Thành viên.
3. Bà Cù Thị Thùy Linh Thành viên.

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã bám sát chương trình hoạt động để triển khai công tác, cụ thể như sau:

- Giám sát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị liên quan đến việc thực hiện Kế hoạch năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Thực hiện việc giám sát, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro để đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp cho ban điều hành.
- Xem xét đánh giá tình hình thực hiện công tác mua sắm tài sản, đầu tư, sửa chữa lớn.
- Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính quý, nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực của số liệu tài chính.
- Kiểm tra tình hình tồn kho, công nợ, chi phí trích trước.
- Đánh giá việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Hợp thảo luận các nội dung báo cáo của Ban kiểm soát.

II. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành

- HĐQT Công ty đã tổ chức đầy đủ các phiên họp để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch công tác trong kỳ, đề ra kế hoạch, chương trình hoạt động tiếp theo; Các nội dung cuộc họp HĐQT được thể hiện đầy đủ trong biên bản cuộc họp và có Nghị quyết của HĐQT để chỉ đạo thực hiện.

- Trong năm, Ban điều hành đã kiện toàn, bổ nhiệm mới 01 Phó Tổng giám đốc; thường xuyên họp, chỉ đạo sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình; công tác điều hành, quản lý và phát huy nguồn lực thực có về vốn, tận dụng tốt những thuận lợi của thị trường để tăng sản lượng tiêu thụ, gia tăng lợi nhuận; tuân thủ các quy định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước; quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của công ty; đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. Bên cạnh đó là việc chỉ đạo triển khai dự án luyện thép, tiếp tục bám sát tình hình thực tế, từng bước tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, phát sinh với các cấp chính quyền địa phương.

Trong năm, Công ty cũng đã hoàn thành việc thay đổi Giấy phép kinh doanh, cập nhật Vốn điều lệ mới; Chuyển Trụ sở chính về Nhơn Trạch, Đồng Nai, Thành lập Văn Phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh và từ đầu năm 2026 đã chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty tại Nhơn Trạch.

Dự báo thị trường năm 2026 vẫn còn nhiều khó khăn, kế hoạch sản xuất tiêu thụ đều cao hơn năm 2025, Ban lãnh đạo cần sát sao chỉ đạo công tác sản xuất, tiêu thụ, tồn kho, đảm bảo ít rủi ro nhất khi có biến động giảm giá. Năm 2026 cũng sẽ là năm Ban Lãnh đạo vừa phải đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh vừa phải khởi công, triển khai Dự án luyện thép vừa phải đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động.

Trong năm 2025, Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác của Công ty; Ban kiểm soát cũng nhận được sự phối hợp, ủng hộ từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Phòng ban, cán bộ quản lý để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.

1. Về tình hình tài chính:

Bảng CĐKT của Công ty tại ngày 31/12/2025 (ĐVT: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024	+/-	%
A	TỔNG TÀI SẢN	731.105	484.678	246.427	50,84
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	652.524	395.356	257.168	65,05
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	91.061	9.823	81.238	827,02
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	105.948		105.948	
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	139.953	197.179	-57.226	-29,02
4	Hàng tồn kho	256.745	138.595	118.150	85,25
5	Tài sản ngắn hạn khác	58.817	49.759	9.058	18,20
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	78.581	89.322	-10.741	-12,03
1	Tài sản cố định	71.912	85.352	-13.440	-15,75
	- Nguyên giá	358.384	355.165	3.219	0,91
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(286.472)	(269.813)	-16.659	6,17
2	Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
	- Nguyên giá	0	1.478	-1.478	-100,00
	- Giá trị hao mòn lũy kế	0	(1.478)	1.478	-100,00

3	Tài sản dở dang dài hạn	5.454	3.338	2.116	63,39
4	Tài sản dài hạn khác	1.215	632	583	92,25
B	TỔNG NGUỒN VỐN	731.105	484.678	246.427	50,84
I	NỢ PHẢI TRẢ	394.944	302.216	92.728	30,68
1	Nợ ngắn hạn	394.944	302.216	92.728	30,68
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	336.161	182.462	153.699	84,24

Nhận xét:

1.1. Tài sản: Tổng tài sản của Công ty tăng 246.427 triệu đồng, tương ứng tăng 50,84%, sự biến động này là do Tài sản ngắn hạn tăng 257.168 triệu đồng, tương ứng tăng 65,05%; Tài sản dài hạn giảm 10.741 triệu đồng tương ứng giảm 12,03%; Phân tích chi tiết các khoản mục:

1.1.1. Tiền và các khoản tương đương tiền: tăng 827,02%, tương ứng tăng 81.238 triệu đồng so với cùng kỳ. Số dư tại ngày 31/12/2025 bao gồm tiền mặt là 206 triệu đồng, tiền gửi ngân hàng là 9.879 triệu đồng (trong đó tiền gửi USD quy đổi là 24 triệu đồng), khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại ngân hàng thương mại, lãi suất 4,75%/năm, giá trị 80.975 triệu đồng.

1.1.2. Đầu tư tài chính ngắn hạn: Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các ngân hàng, lãi suất từ 7,00%/năm đến 7,40%/năm.

1.1.3. Các khoản phải thu ngắn hạn: Giảm 57.226 triệu đồng, tương ứng giảm 29,02% so với cùng kỳ. Phân tích một số khoản mục biến động lớn:

a/. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là 135.951 triệu đồng, giảm 60.064 triệu đồng, tương ứng giảm 30,64%, chi tiết các khách hàng có khoản phải thu lớn:

+ Cty TNHH MTV Thép Miền Nam:	36.887 triệu đồng
+ Cty TNHH TMDV Thép Khương Mai:	6.082 triệu đồng
+ Cty TNHH MTV Thép Phú Xuân Việt:	6.529 triệu đồng
+ DNTN TM và GC Mười Lợi:	8.038 triệu đồng
+ Cty CP Tập đoàn Hoa Sen:	803 triệu đồng
+ Chip Mong Group LTD (Cam):	67.821 triệu đồng
+ KS Trading Co.,LTD (Cam):	2.084 triệu đồng
+ YSL Trading Co., LTD (Cam):	3.245 triệu đồng
+ TS Supply All Kind of Steel Co., LTD (Cam):	3.108 triệu đồng
+ TTHL Co., LTD (Cam):	1.270 triệu đồng

Qua số liệu trên, ngoài số phải thu của Thép Miền Nam là tiền bán thép thanh vằn, toàn bộ các khách hàng còn lại là khách hàng thép góc, với tổng số nợ là 98.980 triệu đồng, chiếm 72,81% tổng số nợ phải thu.

b/. Khoản trả trước cho người bán ngắn hạn là 3.372 triệu đồng, tăng 2.552 triệu đồng, tăng 311,22% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng lớn là một số khách hàng:

+ Cty CP Tư vấn ĐT XD Lập Việt:	297 triệu đồng
+ Cty CP Phát triển và Công nghệ TPP:	1.259 triệu đồng
+ Cty TNHH Cơ khí TM Lê Duyên Anh:	1.028 triệu đồng
+ Cty TNHH KT Công trình Tân Khoa	82 triệu đồng
+ Cty TNHH MTV TB DV KT Bách Khoa	477 triệu đồng

Để thấy rõ hơn, xét thêm chỉ tiêu số vòng quay các khoản phải thu và số ngày thu tiền bình quân:

Chỉ tiêu	2025	2024	+/-	%
Doanh thu thuần	1.902.880	1.391.432	511.448	36,76
Khoản phải thu đầu kỳ	197.179	97.255	99.924	102,74
Khoản phải thu cuối kỳ	139.953	197.179	-57.226	-29,02
Khoản phải thu bình quân	168.566	147.217	21.349	14,50
Số vòng quay	11,29	9,45	1,84	19,44
Số ngày thu tiền bình quân	31,89	38,09	-6,20	-16,27

Trong năm, khi doanh thu thuần tăng 36,76%, khoản phải thu bình quân chỉ tăng 14,50% so với cùng kỳ đã làm cho số vòng quay các khoản phải thu tăng 1,84 vòng, tương ứng số ngày thu tiền bình quân giảm đi 6,20 ngày. Điều này cho thấy lượng vốn luân chuyển nhanh hơn nhiều so với cùng kỳ, thời gian chiếm dụng vốn của khách hàng giảm, làm tăng chu kỳ hoạt động thu hồi nợ thành tiền, làm giảm chi phí lãi vay, tăng hiệu quả kinh doanh.

1.1.4. Hàng tồn kho:

Stt	Nội dung	31/12/2025	31/12/2024	+/-	%
1	Nguyên vật liệu chính (Phôi)	149.567	67.166	82.401	122,68
2	VL phụ, phụ tùng thay thế	17.091	21.455	-4.364	-20,34
3	Phế liệu thu hồi	786	1.690	-904	-53,49
4	Công cụ, dụng cụ	444	516	-72	-13,95
5	Thành phẩm	77.780	45.712	32.068	70,15
6	Hàng gửi đi bán	11.077	2.056	9.021	438,76
	Tổng	256.745	138.595	118.150	85,25

Tổng giá trị hàng tồn kho tăng 118.150 triệu đồng tương ứng tăng 85,25% so với cùng kỳ, biến động chủ yếu là do tổng tồn kho phôi và thành phẩm (kể cả hàng gửi đi bán) tăng 123.490 triệu đồng, tăng 107,44%. Giá trị phụ tùng thay thế đã giảm nhiều nhưng vẫn cần được chú ý và kiểm soát.

1.1.5. Tài sản ngắn hạn khác: Tăng 18,20%, tương ứng tăng 9.058 triệu đồng so với cùng kỳ, sự biến động này chủ yếu là do chỉ tiêu Thuế GTGT được khấu trừ hiện là 55.821 triệu đồng, tăng 7.271 triệu đồng, tương ứng tăng 14,98% so với cùng kỳ.

1.1.6. Tài sản dài hạn: Giảm 10.741 triệu đồng, tương ứng giảm 12,03% so với cùng kỳ; các yếu tố biến động: TSCĐ giảm 13.440 triệu đồng tương ứng giảm 15,75% (Nguyên giá các TSCĐ tăng 3.219 triệu đồng, khấu hao là 16.659 triệu đồng); Tài sản dở dang dài hạn tăng 2.116 triệu đồng, tương ứng tăng 63,39%; Tài sản dài hạn khác tăng 583 triệu đồng, tăng 92,25% so với cùng kỳ.

1.2. Nguồn vốn: Tổng nguồn vốn tăng 246.427 triệu đồng, tương ứng tăng 50,84%, sự biến động này chủ yếu là do nợ phải trả tăng 92.728 triệu đồng, tương ứng tăng 30,68%; Vốn chủ sở hữu tăng 153.699 triệu đồng, tương ứng tăng 84,24%; Phân tích chi tiết một số khoản mục:

1.2.1. Nợ phải trả: Tăng 29,39% so với cùng kỳ, biến động này là của nợ ngắn hạn. Phân tích các chỉ tiêu trong cơ cấu nợ ngắn hạn so với cùng kỳ:

*** Biến động tăng:**

a/. Phải trả người bán ngắn hạn là 54.407 triệu đồng, tăng 22.020 triệu đồng, tăng 67,99% so với cùng kỳ; chi tiết các khoản phải trả có giá trị lớn:

+ Công ty CP Giao nhận kho vận NT VN:	636	triệu đồng
+ Công ty CP Kim khí Tp. HCM:	25.885	triệu đồng
+ Cty TNHH Thép Sa Mi Na:	18.600	triệu đồng
+ Cty TNHH XD và TM Miền Nam:	1.060	triệu đồng

Chiếm tỷ trọng lớn là các khoản mua nguyên liệu chính (phôi), các khoản nợ trên đều chưa quá hạn và Công ty có đủ khả năng để thanh toán khi tới hạn.

b/. Người mua trả tiền trước ngắn hạn là 207 triệu đồng, tăng 124 triệu đồng, tăng 149,407%.

c/. Phải trả người lao động là 18.857 triệu đồng tăng 11.451 triệu đồng, tăng 154,62%.

d/. Chi phí phải trả ngắn hạn là 6.390 triệu đồng, tăng 1.927 triệu đồng, tăng 43,18% so với cùng kỳ, đây là tiền trích trước chi phí lãi vay, chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	30/12/2025	30/12/2024
Chi phí tài chính	291.793.515	259.134.945
Trích trước chi phí tiền điện	1.272.515.780	253.316.279
Chi phí tiền GAS	4.745.326.686	3.910.791.412
Chi phí phải trả khác	80.000.000	40.000.000
Tổng chi phí	6.389.635.981	4.463.242.636

e/. Phải trả ngắn hạn khác là 2.493 triệu đồng, tăng 708 triệu đồng, tăng 39,66%, chiếm tỷ trọng lớn là khoản tiền cổ tức, lãi trái phiếu và phí thương hiệu.

f/. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn là 311.830 triệu đồng, tăng 56.931 triệu đồng tương ứng tăng 22,33% (cùng kỳ là 254.899 triệu đồng), toàn bộ số tiền trên là tiền vay ngân hàng và đều chưa quá hạn, trong đó:

- Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, CN Nhơn Trạch là: 46.288 triệu đồng, lãi suất 6,0%/năm.

- Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là: 119.959 triệu đồng. lãi suất 6,0%/năm.

- Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là: 49.999 triệu đồng, lãi suất 5,5%/năm.

- Vay ngân hàng TMCP Quân Đội, CN Vũng Tàu là: 99.585 triệu đồng

*** Biến động giảm:**

a/. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước là 725 triệu đồng, giảm 395 triệu đồng, giảm 35,27% (cùng kỳ là 1.120 triệu đồng), đây là khoản thuế TNDN phải nộp của năm 2025.

b/. Quỹ khen thưởng phúc lợi còn 34 triệu đồng, giảm 39 triệu đồng, giảm 53,42%.

1.2.2. Vốn Chủ sở hữu: Tăng 153.699 triệu đồng, tương ứng tăng 84,24% so với cùng kỳ, chủ yếu là do tăng vốn điều lệ theo giá trị thu được từ phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông lớn là TCT Thép Việt Nam.

1.3. Các chỉ số tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	2025	2024	+/-
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản (%)	89,25	81,57	7,68
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản (%)	10,75	18,43	-7,68
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	54,02	62,35	-8,33
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	45,98	37,65	8,33
Khả năng thanh toán nhanh (Lần)	1,00	0,85	0,15
Khả năng thanh toán hiện hành (Lần)	1,65	1,31	0,34
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	0,68	0,52	0,16
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	0,26	0,18	0,08
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (%)	1,47	1,38	0,09
Lãi cơ bản trên cổ phiếu EPS (VNĐ)	191	153	38

Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn đã thay đổi, về tài sản giảm tỉ trọng ở tài sản dài hạn, tăng ngắn hạn, về nguồn vốn giảm tỉ trọng nợ phải trả, tăng nguồn vốn chủ sở hữu; chỉ số khả năng thanh toán của Công ty đã tăng, đảm bảo khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn đến hạn thanh toán, các chỉ số về lợi nhuận và chỉ số lãi cơ bản trên cổ phiếu đều tăng so với cùng kỳ.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng so sánh với cùng kỳ

Stt	Chỉ tiêu	2025	2024	+/-	%
1	Doanh thu thuần	1.902.880	1.391.432	511.448	36,76
2	Giá vốn	1.834.843	1.333.084	501.759	37,64
3	Lợi nhuận gộp	68.037	58.348	9.689	16,61
4	Doanh thu hoạt động tài chính	10.971	2.665	8.306	311,67
5	Chi phí tài chính	11.983	13.335	-1.352	-10,14
	- Chi phí lãi vay	11.428	12.292	-864	-7,03
6	Chi phí bán hàng	20.344	13.613	6.731	49,45
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	39.407	30.245	9.162	30,29
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	7.274	3.820	3.454	90,42
9	Thu nhập khác	835	815	20	2,45
10	Chi phí khác	1.929	946	983	103,91
11	Lợi nhuận khác	(1.094)	(131)	-963	735,11
12	Lợi nhuận trước thuế	6.180	3.689	2.491	67,53
13	Thuế TNDN	1.225	1.166	59	5,06
14	Lợi nhuận sau thuế	4.955	2.523	2.432	96,39

- Doanh thu thuần tăng 36,76%, trong khi giá vốn tăng 37,64% (tăng nhiều hơn so với doanh thu) so với cùng kỳ, làm cho lợi nhuận gộp chỉ tăng 16,61%, tương ứng tăng 9.689 triệu đồng. Để thấy được sự biến động của doanh thu sẽ phân tích các yếu tố làm tăng doanh thu thành phẩm:

Chỉ tiêu	2025	2024	+/-	%
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	137.616	95.774	41.842	43,69
Giá bán bình quân (tr.đ/tấn)	13,721	14,498	-0,777	-5,36
Doanh thu (tr.đ)	1.888.274	1.388.545	499.729	35,99
Ảnh hưởng SL đến DT (tr.đ)			606.617	43,69
Ảnh hưởng giá bán đến DT (tr.đ)			-106.888	-7,70

Qua phân tích cho thấy doanh thu tăng so với cùng kỳ chủ yếu là do tăng sản lượng tiêu thụ 43,69% (41.842 tấn) đã làm doanh thu tăng 606.617 triệu đồng; giá bán bình quân giảm 5,36% làm cho doanh thu giảm 7,70%, giảm 106.888 triệu đồng so với cùng kỳ.

- So với cùng kỳ, chi phí tài chính thuần giảm 90,52%, giảm 9.658 triệu đồng, chủ yếu là do tăng lãi tiền gửi và tăng lãi chênh lệch tỷ giá; về hiệu quả đòn bẩy tài chính, phân tích cụ thể như sau:

+ Tổng tiền vay đã giải ngân năm 2025/2024: 1.990.727/1.375.416 tr.đ

+ Bình quân tiền vay 01 tháng: 165.894/114.618 tr.đ

+ Tiền lãi vay bình quân 01 tháng: 952/1.024 tr.đ

Như vậy, tổng số tiền vay đã tăng 44,74%, tương ứng tăng 615.311 triệu đồng, nhưng chi phí lãi vay bình quân 01 tháng đã giảm 72 triệu đồng, giảm 7,03%, góp phần tăng hiệu quả kinh doanh.

- Trong khi doanh thu tăng 36,76%, thì chi phí bán hàng tăng 49,45% (tăng chủ yếu ở chỉ tiêu: chi phí dịch vụ mua ngoài, tăng 113,76%), còn chi phí Quản lý Doanh nghiệp chỉ tăng 30,29%. Xét về tổng chi phí: Bán hàng, Quản lý Doanh nghiệp, chi phí tài chính thuần (chi phí gián tiếp):

+ Năm 2025 tổng chi phí là 60.763 triệu đồng, SLTT: 137.615 tấn, bình quân chi phí gián tiếp là: 0,442 triệu đồng/tấn SP.

+ Năm 2024 tổng chi phí là 54.528 triệu đồng, SLTT: 95.774 tấn, bình quân chi phí gián tiếp là: 0,569 triệu đồng/tấn SP.

Như vậy, mặc dù tổng chi phí gián tiếp tăng 11,43% so với cùng kỳ nhưng chi phí gián tiếp trên 1 tấn sản phẩm lại giảm 0,127 triệu đồng, góp phần tăng hiệu quả kinh doanh.

- Lợi nhuận khác giảm 963 triệu đồng, giảm 735,11% so với cùng kỳ.

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty là 6.180 triệu đồng, tăng 2.491 triệu đồng, tương ứng tăng 67,53% so với cùng kỳ, vượt 23,60% kế hoạch lợi nhuận năm.

3. Đánh giá việc hoàn thành kế hoạch: ĐVT: Tấn

Chỉ tiêu	KH 2025	Thực hiện		So sánh (%)	
		2025	2024	TH/KH	2025/2024
Sản xuất	110.000	140.836	93.841	128,03	150,08

- Thép góc	30.000	33.849	30.254	112,83	111,88
- Thép thanh	68.000	88.010	55.732	129,43	157,92
- Thép cuộn	12.000	18.977	7.855	158,14	241,59
Tiêu thụ	110.000	137.616	95.774	125,10	143,69
- Thép góc	30.000	32.152	31.050	107,17	103,55
- Thép thanh	68.000	87.255	56.220	128,31	155,20
- Thép cuộn	12.000	18.209	8.504	151,74	214,12

Nhận xét: Sản lượng sản xuất và tiêu thụ đều tăng so với kế hoạch và so với cùng kỳ, trong đó sản lượng tiêu thụ thép thanh và thép cuộn có sự tăng trưởng mạnh, thép góc cũng duy trì đà tăng.

- Tỷ suất LNST/Vốn CSH: 1,47%, đạt 63,91% kế hoạch (KH là 2,30%).

- Tỷ suất LNST/Tổng tài sản: 0,68%, đạt 61,82% kế hoạch (KH là 1,10%).

4. Công tác đầu tư, mua sắm TSCĐ và sửa chữa lớn:

Về Dự án chuyển tiếp từ năm trước là “Bổ sung công đoạn luyện phôi thép công suất 150.000 tấn/năm” trị giá 450.000 triệu đồng: Các công tác đã thực hiện: Triển khai thực hiện 05 gói thầu tư vấn (gói 15 – Thiết kế điện; gói 16 – Thiết kế xây dựng; gói 23, 24 – Thẩm tra thiết kế điện, xây dựng; Gói thầu 25.1 – Lập HSMT, tổ chức đấu thầu gói thầu Nhà xưởng chính); Hoàn thành việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP; Hủy thầu gói thầu số 1 - Thiết bị chính xưởng luyện thép vào tháng 11/2025, do nhà thầu không tiếp tục gia hạn hiệu lực HSDT sau 2 lần gia hạn; Tiếp tục triển khai thực hiện các thủ tục liên quan đến nguồn điện 110kV; Đã được cấp GPXD và Chứng nhận thẩm duyệt TK PCCC; Cam kết tín dụng của ngân hàng MB CN Vũng Tàu.

Về đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ: Có 02 hạng mục với trị giá 17.100 triệu đồng, cụ thể:

- Máy cắt đầu Block : 3.600 triệu đồng
- Cụm thiết bị gia nhiệt phôi : 13.500 triệu đồng

Ngoài ra còn 01 hạng mục đầu tư từ năm 2024 là Cụm đếm bó thép thanh. Trong năm có bổ sung thêm 01 hạng mục là: Cải tạo và nâng cấp hệ thống điều khiển, giá trị 4.200 triệu đồng và dừng thực hiện hạng mục: Máy cắt đầu Block.

Về sửa chữa lớn và XD CB, Kế hoạch của Công ty có 17 hạng mục được phê duyệt, trong năm có bổ sung 01 hạng mục XD CB (SCL: 07 hạng mục, XD CB: 11 hạng mục), với tổng giá trị 10.194 triệu đồng, trong năm, công ty đã và đang triển khai 16 hạng mục, trong đó có 13 hạng mục đã hoàn thành với giá trị 4.261 triệu đồng, 03 hạng mục đang thực hiện; 02 hạng mục không thực hiện.

Trong năm, Công ty đã mua sắm, sửa chữa và tăng 05 TSCĐ, với tổng giá trị 1.740 triệu đồng, bao gồm:

- Máy đóng đai thép góc : 33 triệu đồng
- HT thoát nước thuộc CT cải tạo và : 297 triệu đồng
- nâng cấp phụ trợ ngoài PX
- Bơm thủy lực PVQ40 : 70 triệu đồng
- Cải tạo, nâng cấp nhà nghỉ ca : 943 triệu đồng
- Cải tạo, nâng cấp mái che bãi chứa thành phẩm : 381 triệu đồng

Ngoài ra, có 02 TSCĐ hình thành do điều chỉnh bổ sung vào năm 2024 (sau kết luận của Kiểm toán Nhà nước) với giá trị 231 triệu đồng, cụ thể:

- Trang thiết bị Hội nghị Phòng họp : 173 triệu đồng
- Xây dựng Website của Công ty : 59 triệu đồng

Về chi phí cho dự án và các hạng mục đang thực hiện, đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 5.454 triệu đồng, trong đó:

- Dự án đầu tư luyện thép : 3.547 triệu đồng
- Máy đếm thép thanh tự động : 1.717 triệu đồng
- Sửa chữa lớn TSCĐ : 191 triệu đồng

III. Ý kiến của ban kiểm soát:

- Với kế hoạch sản xuất và tiêu thụ năm 2026 có tăng trưởng so với số thực tế năm 2025, thì việc điều độ sản xuất sao cho hợp lý, hiệu quả cần phải được ưu tiên hàng đầu, nhằm giảm thấp nhất tiêu hao kim loại, gas và điện, tăng hiệu suất thiết bị; với sản lượng sản xuất gần hết công suất cho phép, sẽ là cơ hội để kéo giảm chi phí sản xuất, vì vậy phải kiểm soát chặt từ việc sử dụng vật tư, phụ tùng, giảm thiểu sự cố, hư hỏng thiết bị, giảm thời gian đổi mặt hàng; Về nguồn phôi, ngoài các đơn vị trong hệ thống, Công ty cần tiếp tục tăng cường tìm kiếm nhà cung cấp phôi để đa dạng nguồn hàng, chủng loại nhất là phôi để sản xuất thép cuộn, thép góc và thép vằn cán chẻ, chủ động được nguồn phôi nhưng vẫn đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh.

- Sản lượng tiêu thụ thép góc đã cao hơn kế hoạch và vượt so với cùng kỳ, đây là kết quả của nhiều giải pháp, phương án mà Công ty đã và đang áp dụng nhằm tăng thị phần thép góc, tăng các kênh phân phối, tăng thị trường xuất khẩu. Để giữ vững và có sự tăng trưởng Công ty cần tiếp tục phát huy hiệu quả các phương án, giữ được sản lượng tiêu thụ của các nhà phân phối cấp 1, có thêm các giải pháp hỗ trợ các nhà phân phối, tiếp tục tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới; Cần đẩy mạnh công tác tiếp thị, quảng cáo, nhận diện thương hiệu thép góc V Nhà Bè trên thị trường, nghiên cứu sản xuất các size hàng thép góc phi tiêu chuẩn theo yêu cầu và đề nghị của khách hàng.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác thu hồi nợ (chú ý đối tượng khách hàng Campuchia), tăng vòng quay nợ phải thu, không để nợ vượt hạn mức bảo lãnh; Thực hiện việc xin hoàn thuế GTGT khi hiện nay số dư lên tới 55.821 triệu đồng mặc dù trong quý 4 công ty đã hoàn được hơn 48.468 triệu đồng, việc xin hoàn thuế GTGT cần tăng chu kỳ nên 6 tháng/lần hoặc ngắn hơn để nguồn vốn không bị chiếm dụng; Tiếp tục đàm phán với các ngân hàng về hạn mức tín dụng, lãi suất vay trong điều kiện nhu cầu vốn lưu động cho năm 2026 sẽ tăng cao.

- Tiếp tục triển khai thực hiện quy trình sản xuất Quenching, để sản xuất các loại sản phẩm với mức thép mới đáp ứng việc dịch chuyển nhu cầu sử dụng của khách hàng trên thị trường.

- Tiếp tục duy trì các phương án quản trị, chọn và sử dụng các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số phù hợp và khả thi vào công tác quản lý nhằm đảm bảo kiểm soát tốt các hoạt động trong công ty.

- Triển khai kế hoạch và thực hiện việc đầu tư, sửa chữa lớn năm 2026 bài bản, đúng quy định, công tác đầu thầu phải công khai minh bạch và sát với khả năng

tài chính của công ty. Về dự án bổ sung công đoạn luyện thép 150.000 tấn/năm, phần đầu khởi công và thực hiện các hạng mục, gói thầu đúng kế hoạch.

IV. Kế hoạch hoạt động năm 2026

Ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, cụ thể:

- Giám sát công tác triển khai việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch năm 2026 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Thực hiện việc giám sát, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro để đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp cho ban điều hành.

- Xem xét đánh giá tình hình thực hiện công tác mua sắm tài sản, đầu tư, sửa chữa lớn; Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính quý, bán niên, năm nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực của số liệu tài chính.

- Kiểm tra, kiểm soát đột xuất theo chuyên đề, khi có yêu cầu của HĐQT, của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo điều 115 Luật doanh nghiệp.

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát. Báo cáo này đã được tất cả các thành viên Ban kiểm soát nhất trí thông qua, kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TNB;
- HĐQT, Ban TGD;
- Thành viên BKS;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Quốc Thiệu





CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP NHÀ BÈ – VNSTEEL

Số: 14/TTr-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 (đã kiểm toán)

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 (đã kiểm toán) như sau:

Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán, được Ban Kiểm soát Công ty kiểm tra, thẩm định và đã được công bố thông tin công khai theo quy định. Báo cáo tài chính năm 2025 (đã kiểm toán) gồm các nội dung:

- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc;
- Báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Chi tiết Báo cáo tài chính năm 2025 (đã kiểm toán) của Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL đã được gửi kèm theo tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026, công bố thông tin trên đại chúng và công khai trên website: [//nbsteel.vn/](http://nbsteel.vn/)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Dương Trung Toàn

Số: 15/TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Đại hội đồng cổ đông thông qua

Quyết toán thực hiện tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT và BKS năm 2025

Kế hoạch tiền lương, thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2026

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL.

- Căn cứ kết quả SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm, như sau:

1. Quyết toán tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 của thành viên HĐQT và BKS

Stt	Chức vụ	Kế hoạch	Thực hiện	Số tháng quyết toán	Tổng tiền lương
I	Tiền lương thành viên HĐQT và BKS chuyên trách				1.025.160.000
1	Chủ tịch HĐQT	46.500.000	55.800.000	10	558.000.000
2	Trưởng ban kiểm soát	31.200.000	38.930.000	12	467.160.000
II	Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát không chuyên trách				264.000.000
1	Thành viên HĐQT 04 người	4.000.000	4.000.000	48	192.000.000
2	Thành viên BKS 02 người	3.000.000	3.000.000	24	72.000.000

Tổng tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025: 1.289.160.000 đồng

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2026

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét quyết định kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát sau khi Công ty hoàn thiện kế hoạch tiền lương 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.



Dương Trung Toàn

Số: 26/TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH
Đại hội đồng cổ đông thông qua
việc phân phối lợi nhuận năm 2025

- Căn cứ vào điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL;

- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty,

Hội đồng Quản trị Công ty trình Đại hội cổ đông chấp thuận và biểu quyết thông qua việc phân phối lợi nhuận như sau:

1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối LK đến 31/12/2024	:	4.973.620.750 đồng
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025	:	4.954.595.320 đồng
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối LK đến 31/12/2025	:	9.928.216.070 đồng
4	Trả cổ tức	:	0 đồng
5	Trích quỹ phúc lợi, khen thưởng (25% LNST năm 2025). Trong đó:	:	1.200.000.000 đồng
	- Quỹ khen thưởng người quản lý và người lao động (20%)	:	240.000.000 đồng
	- Quỹ phúc lợi (80%)	:	960.000.000 đồng
6	Trích quỹ đầu tư phát triển	:	4.960.000.000 đồng
7	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	:	3.768.216.070 đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đương Trung Toàn

Số: 17/TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH
Đại hội đồng cổ đông thông qua
Kế hoạch SXKD - Tài chính – Đầu tư năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL.

Hội đồng quản trị Công ty trình đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 về Kế hoạch SXKD - Tài chính và Đầu tư năm 2026 như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Sản xuất: - Tiêu thụ: 145.000 tấn thép cán

2. Kế hoạch tài chính

- Doanh thu thuần: 1.992,196 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 05 tỷ đồng

3. Kế hoạch đầu tư phát triển, mua sắm nâng cấp TSCĐ năm 2026

STT	Tên dự án, thiết bị, phương tiện	ĐVT	Kế hoạch			Ghi chú
			Tổng	DN	Vay TM	
I	Dự án đầu tư phát triển (chuyển tiếp)	Tr đồng	359.000	137.000	222.000	
1	Sản xuất thép cán xây dựng - Bổ sung công đoạn luyện phôi thép cs 150.000 tấn sp/năm	Tr đồng	359.000	137.000	222.000	
II	Dự án đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ	Tr đồng	23.400	10.240	13.160	
1	Máy cắt đầu Block	Tr. đồng	4.600	4.600		
2	Cụm thiết bị gia nhiệt phôi	Tr. đồng	13.500	4.050	9.450	
3	Xe xúc lật 3m ³ (01 xe)	Tr. đồng	1.900	570	1.330	
4	Xe nâng 5T (2 cái)	Tr. đồng	1.000	300	700	
5	Máy nén khí 75kW (03 cái)	Tr. đồng	2.400	720	1.680	
TỔNG		Tr. đồng	382.400	147.240	235.160	

- Tổng mức đầu tư phát triển, mua sắm, nâng cấp TSCĐ: 382.400 tr đồng.
- Nguồn vốn:
 - + Vốn doanh nghiệp: 147.240 tr đồng
 - + Vốn vay thương mại: 235.160 tr đồng



Năm 2026 dự báo thị trường thép có nhiều biến động, kinh tế vĩ mô trong nước gặp nhiều khó khăn. Tình hình SXKD của ngành thép nói chung và của Công ty còn gặp nhiều khó khăn trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Do vậy, ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 ủy quyền cho HĐQT Công ty căn cứ diễn biến thực tế để cân đối điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh – tài chính – đầu tư phù hợp với tình hình thực tế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Dương Trung Toàn



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18 /TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH
Đại hội đồng cổ đông thông qua
Việc giao quyền cho HĐQT phê duyệt Hợp đồng mua bán với các
Công ty có liên quan

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 thông qua các nội dung như sau:

Hợp đồng mua bán có giá trị hợp đồng (bao gồm cả dư nợ tín chấp) bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty được ghi nhận tại báo cáo tài chính gần nhất và hợp đồng mua bán với các Công ty có liên quan: Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam -VNSTEEL, Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL, Công ty CP Kim Khí TPHCM - VNSTEEL, Công ty CP Kim Khí Miền Trung; Công ty CP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam, Công ty TNHH Khoáng Sản và Luyện Kim Việt Trung (*Dự thảo Hợp đồng kèm theo*)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Dương Trung Toàn

CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19A/TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH
Đại hội đồng cổ đông thông qua
Việc giao quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 về việc giao quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng, cụ thể như sau:

Hạn mức tín chấp bán hàng: 200 tỷ đồng đối với Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Dương Trung Toàn

CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 198/TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Đại hội đồng cổ đông thông qua Việc giao quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 về việc giao quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng, cụ thể như sau:

Hạn mức tín chấp bán hàng: 03 triệu USD đối với Chip Mong Group Co., Ltd - Campuchia.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Dương Trung Toàn

Số: 20/TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH
Đại hội đồng cổ đông thông qua
Về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL.

Căn cứ quy định của pháp luật quy định về điều kiện của các công ty kiểm toán được phép kiểm toán báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho đơn vị trong năm 2026 như sau:

Ủy quyền cho HĐQT xem xét lựa chọn một trong những công ty kiểm toán độc lập trong danh sách các đơn vị kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Dương Trung Toàn

Số: 23/TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH
Đại đồng cổ đông thông qua
Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

- Căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL.
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty,

Hội đồng Quản trị Công ty trình Đại hội cổ đông chấp thuận và biểu quyết thông qua việc kế hoạch phân phối lợi nhuận như sau:

1. Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế 31/12/2025	:	3.768.216.070	đồng
2. Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2026	:	4.000.000.000	đồng
3. Tổng cộng Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế 31/12/2026	:	7.768.216.070	đồng
4. Trả cổ tức	:	0	đồng
5. Trích quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng cho NLĐ (25% LNST năm 2025)	:	1.000.000.000	đồng
6. Trích quỹ đầu tư phát triển	:	3.880.000.000	đồng
7. Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	:	2.888.216.070	đồng

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ủy quyền cho HĐQT Công ty CP Thép Nhà Bè – VNSTEEL căn cứ diễn biến thực tế để điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 phù hợp với tình hình thực tế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Dương Trung Toàn